

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/HS-ST
Ngày 05 – 9 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm
Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 31 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Huy H, tên gọi khác: T; Giới tính: Nam, sinh ngày 03/6/1991; Nơi sinh: Hà Nội; Nơi đăng ký thường trú: Số 01, Tổ 46, phường K (nay là phường P), quận Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Ngọc Ch, sinh năm 1954 (Chết) và bà Vũ Thị Hương M, sinh năm 1964 (Còn sống); Anh, chị, em ruột: Có 03 người (Lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất là bị cáo); Vợ: Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1999; Con: 01 người (sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Chưa có.

- Bị tạm giữ từ ngày 05/5/2021 đến ngày 08/5/2021 chuyển sang tạm giam đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cà Mau. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp 3, xã T.V, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 29, đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Bà Châu Lệ D, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu đô thị H.T, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1987, địa chỉ: Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
5. Bà Lê Thị Hà, sinh năm 1979, địa chỉ: Xã P, huyện P.H, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).
6. Ông Võ Thanh T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khóm C, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
7. Ông Trương Thanh Nh, sinh năm 1991, địa chỉ: Khóm B, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
8. Bà Phạm Thị Mộng Th, sinh năm 1983, địa chỉ: Khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
9. Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1962, địa chỉ: Phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
10. Ông Trần Đoàn Tr, sinh năm 1991, địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
11. Bà Trần Thị Tuyết Ng, sinh năm 1983, địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
12. Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1980, địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
13. Ông Huỳnh Công N, sinh năm 1973, địa chỉ: Xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
14. Bà Trần Thị D, sinh năm 1987, địa chỉ: Xã L, huyện T.V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
15. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp S.T, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
16. Ông Nguyễn Chí S, sinh năm 1975, địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
17. Ông Lê Quốc Kh, sinh năm 1958, địa chỉ: Xã T, huyện T.B, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
18. Bà Võ Thị U, sinh năm 1974, địa chỉ: Khóm T, thị trấn T.B, huyện T.B, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
19. Ông Sơn Sầu R, địa chỉ: Khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
20. Bà Lê Thị Xuân Th, sinh năm 1985, địa chỉ: Khóm 1, phường T.T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
21. Bà Lê Thị B, sinh năm 1980, địa chỉ: Khóm H, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
22. Bà Huỳnh Thanh Y, sinh năm 1981, địa chỉ: Khóm H, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
23. Ông Phạm Thái H, sinh năm 1990, địa chỉ: Khóm M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
24. Bà Trịnh Bích Ph, sinh năm 1985, địa chỉ: Khóm N, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
25. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp T.H, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

26. Bà Trần Hồng Th, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 66A, đường P.B.C, khóm B, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

27. Bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

28. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp R.B, xã H.M, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

29. Bà Nguyễn Chúc L, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp R.B, xã H.M, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

30. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960, địa chỉ: Ấp T.A, xã H.M, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

31. Bà Lê Ngọc E, sinh năm 1963, địa chỉ: Xã T.B, huyện T.B, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

32. Ông Phan Văn B, sinh năm 1965 (vắng mặt);

33. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948 (vắng mặt);

34. Anh Phan Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt);

35. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1951 (vắng mặt);

36. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xã T.L, huyện T.B, tỉnh Cà Mau

37. Ông Dương Văn Ng, sinh năm 1963, địa chỉ: Thị trấn T.B, huyện T.B, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

38. Bà Trần Hồng C, sinh năm 1949, địa chỉ: Xã H.M, huyện C tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

39. Ông Phan Quốc H, sinh năm 1990, địa chỉ: Khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

40. Ông Huỳnh Văn Nh, sinh năm 1992, địa chỉ: Xã Đ.H, huyện C tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

41. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố C tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

42. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 2000, địa chỉ: Xóm Đ.A, xã H.T, huyện N.Đ, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ giữa tháng 6/2019, bị cáo Lê Huy H bắt đầu đến tạm trú tại nhà số 95, khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau để hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao (lãi nặng). Bị cáo in nhiều tờ rơi có nội dung “giải ngân trong ngày, chỉ cần chứng minh nhân dân, hộ khẩu, hóa đơn điện – nước, giới thiệu có cả phê và số điện thoại liên hệ 0839.441.575”.

Bị cáo đem phát cho người dân trên địa bàn các huyện và thành phố thuộc tỉnh Cà Mau. Người nào muốn vay tiền thì liên hệ số điện thoại in trên tờ rơi để gặp bị cáo. Sau đó, bị cáo sẽ đến nhà người vay để nhận hoặc xem các giấy tờ cá nhân của người vay, nếu đồng ý vay thì bị cáo đưa cho người vay một bản hợp đồng chuẩn bị sẵn để người vay ghi thông tin họ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại và số tiền vay vào hợp đồng rồi ký tên, hợp đồng chỉ lập 01 bản do bị cáo giữ, lãi suất cho vay do bị cáo đưa ra và thỏa thuận với người

vay. Số tiền ghi trong hợp đồng là số tiền gốc cộng với số tiền lãi mà người vay phải trả cho bị cáo, còn số ngày trả, số tiền trả mỗi ngày bao nhiêu thì bị cáo và người vay thỏa thuận riêng không ghi vào hợp đồng. Vay số tiền vốn 5.000.000đ, ghi vào hợp đồng là 6.000.000đ, nếu thời hạn vay là 40 ngày, thì mỗi ngày phải trả cả vốn và lãi là 150.000đ (vốn 125.000đ, tiền lãi 25.000đ); nếu vay 6.000.000đ thì ghi vào hợp đồng là 7.200.000đ; vay số tiền 10.000.000đ thì ghi vào hợp đồng là 12.000.000đ; vay 20.000.000đ thì ghi vào hợp đồng là 24.000.000đ. Khi cho vay, bị cáo giữ của người vay giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ cá nhân khác, có trường hợp giữ bản gốc, có trường hợp giữ bản phô tô.

Từ 18/6/2019 đến tháng 02/2020, bị cáo đã cho nhiều người dân trên địa bàn thành phố C, huyện C.N và huyện T.B vay tiền với lãi suất cao. Quá trình điều tra xác định được 41 người vay với 142 lần vay, tổng số tiền vốn của các lần vay là 776.000.000đ; mức lãi suất theo thỏa thuận giữa H với người vay thấp nhất là 121,6%/năm, cao nhất là 365%/năm; cao gấp từ 6,08 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm, tương đương 1,666666%/tháng, tương đương 0,054794%/ngày). Trong quá trình thực hiện cho vay lãi cao, bị cáo đã thu được tổng số tiền là 860.870.000đ, trong đó: Tiền vốn là 717.325.006đ, tiền lãi là 143.544.994đ (trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%) là 14.398.902 đ, tiền thu lợi bất chính là 129.146.092đ. Số tiền vốn còn lại người vay chưa trả cho bị cáo là 58.674.994 đ. Cụ thể

1. Bà Trần Hồng T, vay 05 lần, với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 05 lần cho vay số tiền 2.802.740đ.

2. Bà Nguyễn Hồng Ng vay 03 lần, mỗi lần 2.000.000đ với lãi suất 121,6%/năm, cao gấp 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 03 lần cho vay, số tiền 6.740.640đ. Bà Ng chưa trả cho bị cáo tiền vốn là 19.666.667đ.

3. Bà Châu Lệ D, vay 04 lần, với mức lãi suất từ 121,6% đến 304%/năm, cao gấp từ 6,08 lần đến 15,2 lần so với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 04 lần cho vay, số tiền 17.489.726đ. Bà D chưa trả cho bị cáo tiền vốn là 26.000.000đ.

4. Bà Lê Thị Tuyết H, vay 04 lần, với lãi suất 243%/năm, cao gấp 12,15 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 04 lần cho vay số tiền 3.518.256đ. Bà H chưa trả cho bị cáo tiền vốn là 833.325đ.

5. Bà Lê Thị H, vay 07 lần với lãi suất từ 243% đến 304%/năm, cao gấp từ 11,7 lần đến 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 07 lần cho vay số tiền 6.434.520đ.

6. Ông Võ Thanh T, vay 08 lần với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 08 lần cho vay số tiền 10.351.028đ. Ông T chưa trả tiền vốn 1.875.000đ.

7. Ông Trương Thanh Nh, vay 03 lần, với lãi suất từ 182,5% đến 243%/năm, cao gấp từ 9,125 lần đến 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 03 lần cho vay số tiền 2.583.877đ. Ông Nh chưa trả vốn 1.650.000đ.

8. Bà Phạm Thị M Thường, vay 07 lần với lãi suất từ 182,5% đến 202,7%/năm, cao gấp từ 9,125 lần đến 10,135 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 07 lần cho vay số tiền 5.749.726đ. Chưa trả vốn 750.000đ.

9. Ông Trần Tuấn K, vay 08 lần với lãi suất 243%/năm, cao gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 08 lần cho vay số tiền 4.405.480đ.

10. Ông Trần Đoàn Tr, vay 02 lần với lãi suất 202,7%/năm, cao gấp 10,135 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ Luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 02 lần cho vay số tiền 150.230đ. Chưa trả vốn 5.166.668đ.

11. Bà Trần Thị Tuyết Ng, vay 3.000.000đ, mức lãi suất là 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo thu lợi bất chính là 560.548đ.

12. Bà Trần Thị Tuyết M, vay 03 lần với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 03 lần cho vay số tiền 2.671.233đ.

13. Ông Huỳnh Công Ng, vay 04 lần, với lãi suất 182,5%/năm cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 04 lần cho vay số tiền 3.561.644đ.

14. Bà Trần Thị D, vay 05 lần với lãi suất 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 05 lần cho vay số tiền 4.956.164đ.

15. Ông Nguyễn Thành Ph, vay 02 lần với lãi suất 202,7%/năm cao gấp 10,135 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 1.238.904đ.

17. Ông Lê Quốc Kh vay 5.000.000đ, mức lãi suất là 182,5%/năm cao gấp 9,125 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 890.411đ.

18. Bà Võ Thị U, vay 03 lần với lãi suất 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 1.652.055đ

19. Ông Sơn Sầu R, vay 04 lần với lãi suất từ 243% đến 304%/năm cao gấp từ 12,15 lần đến 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 04 lần cho vay số tiền 1.609.499đ. Ông R chưa trả vốn 333.334đ.

20. Bà Lê Thị Xuân Th vay 11 lần với lãi suất từ 182,5% đến 304%/năm cao gấp từ 9,125 lần đến 15,2 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 11 lần cho vay số tiền 12.267.398đ

21. Bà Lê Thị B, vay 02 lần với lãi suất 182,5%/năm cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 02 lần cho vay số tiền 3.027.397đ.

22. Ông Huỳnh Thanh Y, vay 02 lần với lãi suất 202,7%/năm cao gấp 10,135 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 02 lần cho vay số tiền 1.801.644đ.

23. Ông Phạm Thái H, vay 02 lần với lãi suất 304%/năm cao gấp 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 02 lần cho vay số tiền 747.398đ.

24. Bà Trịnh Bích Ph, vay 5.000.000 đồng, mức lãi suất là 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

25. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972, vay 05 lần với lãi suất từ 182,5% đến 243%/năm cao gấp từ 9,125 lần đến 12,15 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 05 lần cho vay số tiền 4.468.493đ.

26. Ông Nguyễn Hoàng T, vay 02 lần với lãi suất 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 1.101.370đ.

27. Bà Nguyễn Thị Ngọc V, vay 03 lần với lãi suất 182,5%/năm cao gấp 9,125 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 4.291.507đ.

28. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1958, vay 02 lần với lãi suất 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 1.101.370đ.

29. Bà Nguyễn Chúc L, vay 02 lần với lãi suất 304%/năm cao gấp 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 1.121.096đ.

30. Bà Nguyễn Thị D, vay 02 lần với lãi suất 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 1.468.493đ.

31. Bà Lê Ngọc E, vay 03 lần với lãi suất từ 243% đến 304%/năm cao gấp từ 12,15 lần đến 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 2.579.726đ.

32. Ông Phan Văn B, vay 3.000.000 đồng, mức lãi suất là 304%/năm cao gấp 15,2 lần so với lãi suất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 560.548đ.

33. Bà Nguyễn Thị V, vay 5.000.000 đồng, mức lãi suất là 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với lãi suất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

34. Ông Phạm Văn T, vay 2.000.000 đồng, mức lãi suất là 304%/năm cao gấp 15,2 lần so với lãi suất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền 373.699đ.

35. Bà Nguyễn Thị X, vay 05 lần với lãi suất 304%/năm cao gấp 15,2 lần so với lãi suất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 05 lần cho vay số tiền 2.963.289đ.

36. Bà Hồ Thị T, vay 06 lần với lãi suất 243% đến 304%/năm cao gấp từ 12,15 lần đến 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 06 lần cho vay số tiền 2.963.289đ.

37. Ông Dương Văn Ng, vay 02 lần với lãi suất 304%/năm cao gấp 15,2 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 02 lần cho vay số tiền 747.398đ.

38. Bà Trần Hồng C, vay 02 lần với lãi suất 243,3%/năm cao gấp 12,165 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 02 lần cho vay số tiền 550.685đ.

39. Ông Phạm Quốc H, vay 04 lần với lãi suất 182,5%/năm cao gấp 9,125 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 04 lần cho vay số tiền 7.123.288đ.

40. Ông Huỳnh Văn Nh, vay 2.000.000 đồng, mức lãi suất là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 378.082đ. Ông Nh chưa trả số tiền vốn 400.000đ.

41. Bà Đỗ Thị Th, vay 07 lần với lãi suất 243,3%/năm cao gấp 12,165 lần so với lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính 07 lần cho vay số tiền 1.835.616đ. Bà Th chưa trả tiền vốn 2.000.000đ.

Sau khi khởi tố bị cáo bỏ trốn. Ngày 24/8/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và tạm đình chỉ điều tra bị cáo. Đến ngày 04/5/2021, Cơ quan điều tra bắt được bị cáo Lê Huy H khi bị cáo đang sinh sống tại huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 06/5/2021, Cơ quan điều tra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị cáo đối với Lê Huy H.

*** Tài sản, đồ vật thu giữ đã xử lý:**

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các loại giấy tờ cho những người vay gồm: sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, bằng tốt nghiệp và các loại giấy tờ khác đã thu giữ trong lúc kiểm tra nơi ở của bị cáo.

Đối với các xe mô tô biển số kiểm soát 69B1-290.43; 59M2-043.57; 68P1-286.26, quá trình điều tra do chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu các xe này, nên Cơ quan điều tra tách ra để xác minh làm rõ xử lý sau.

* Vật chứng, tài sản còn lại chưa xử lý gồm: 1.200 tờ rơi quảng cáo về hoạt động cho vay tiền; 01 điện thoại hiệu Iphone X màu vàng gold; 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh; 02 điện thoại Nokia phím bấm; 01 xe mô tô biển số kiểm soát 68B1-231.25; 01 màn hình máy tính ^OC; 01 bàn phím máy tính; 01 CPU hiệu DELUXE.

Tại cáo trạng số: 119/CT-VKS ngày 01/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đã truy tố Lê Huy H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Huy H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201

của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo H bằng thời gian tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

+ Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền vốn bị cáo dùng cho vay đã thu được 722.075.006đ và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.555.069đ.

+ Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc mà bị cáo H cho vay chưa trả là 53.924.994đ, cụ thể như sau: Nguyễn Hồng Ng nộp 19.666.667đ; Châu Lệ D nộp 21.250.000đ; Lê Thị Tuyết H nộp 833.325đ; Võ Thanh T nộp 1.875.000đ; Trương Thanh Nh nộp 1.650.000đ; Phạm Thị Mộng Th nộp 750.000đ; Trần Đoàn Tr nộp 5.166.668đ; Sơn Sầu R nộp 333.334đ; Huỳnh Văn Nh nộp 400.000đ và Đỗ Thị Th nộp 2.000.000đ.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 1.200 tờ rơi quảng cáo về hoạt động cho vay lãi nặng. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Iphone X màu vàng gold; 02 điện thoại Nokia phím bấm; 01 xe mô tô biển số kiểm soát 68B1-231.25; 01 màn hình máy tính; 01 bàn phím máy tính; 01 CPU.

- Trả lại cho Nguyễn Anh T: 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Huy H trả lại cho 41 người vay với tổng số tiền là 129.939.925đ do thu lãi vượt quy định. Cụ thể, trả cho Trần Hồng Th 2.802.740đ; Trả cho Nguyễn Hồng Ng 6.740.640đ; Trả cho Châu Lệ D 17.489.726đ; Trả cho Lê Thị Tuyết H 3.518.256đ; Trả cho Lê Thị H 6.434.520đ; Trả cho Võ Thanh T 10.351.028đ; Trả cho Trương Thanh Nh 2.582.877đ; Trả cho Phạm Thị Mộng Th 5.749.726đ; Trả cho Trần Tuấn K 4.405.480đ; Trả cho Trần Đoàn Tr 150.230đ; Trả cho Trần Thị Tuyết Ng 560.548đ; Trả cho Trần Thị Tuyết M 2.671.233đ; Trả cho Huỳnh Công Ng 3.561.644đ; trả cho Trần Thị D 4.956.164đ; Trả cho Nguyễn Thành Ph 1.081.644đ; Trả cho Nguyễn Chí S 1.238.904đ; Trả cho Lê Quốc Kh 890.411đ; Trả cho Võ Thị U 1.652.055đ; Trả cho Sơn Sầu R 1.609.499đ; Trả cho Lê Thị Xuân Th 12.267.398đ; Trả cho Lê Thị B 3.027.397đ; Trả cho Huỳnh Thanh Y 1.081.644đ; Trả cho Phan Thái H 747.398đ; Trả cho Trịnh Bích Ph 917.808đ; Trả cho Nguyễn Thị U 4.468.493đ; Trả cho Nguyễn Hoàng T 1.101.370đ; Trả cho Nguyễn Thị Ngọc V 4.291.507đ; Trả cho Nguyễn Thị U 1.101.370đ; Trả cho Nguyễn Chúc L 1.121.096đ; Trả cho Nguyễn Thị D 1.468.493đ; Trả cho Lê Ngọc E 2.579.726đ; Trả cho Phan Văn B 560.548đ; trả cho Nguyễn Thị V 917.808đ; Trả cho Phạm Văn T 373.699đ; Trả cho Nguyễn Thị X 1.868.495đ; Trả cho Hồ Thị T 2.963.289đ; Trả cho Dương Văn Ng 747.398đ; Trả cho Trần Hồng C 550.685đ; Trả cho Phạm Quốc H 7.123.288đ; Trả cho Huỳnh Văn Nh 378.082đ; Trả cho Đỗ Thị Th 1.835.616đ.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bà Châu Lệ D và bà Nguyễn Hồng Ng yêu cầu nhận lại tiền lãi đã trả cho bị cáo vượt quy định pháp luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã có hành vi, quyết định tố tụng đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Huy H thừa nhận tại căn nhà số 95, khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, do bị cáo thuê, bị cáo sử dụng để làm địa điểm hoạt động cho vay lãi nặng. Trong khoảng thời gian từ ngày 18/6/2019 đến tháng 02/2020, bị cáo đã cho nhiều người vay. Qua quá trình điều tra chỉ có đủ căn cứ xác định bị cáo đã cho 41 người vay tiền với 142 lần vay, hình thức cho vay trả góp theo ngày, với lãi suất cao từ 121,6% đến 365%/năm, cao gấp từ 6,08 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị cáo cho vay tiền với mức lãi suất cao đã vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất trong quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền thu lợi bất là 129.146.092đ.

[3] Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng là trái pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân, muốn kiếm tiền mà không mất nhiều công sức lao động, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cho vay lãi nặng không chỉ làm cho người vay phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, mà còn gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gián tiếp gây ra các tệ nạn xã hội khác, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội tại địa phương. Hiện nay, loại tội phạm này ngày càng gia tăng, phương thức thực hiện ngày càng tinh vi, đa dạng về hình thức hoạt động. Bản thân bị cáo là người địa phương khác đến địa bàn thành phố C hoạt động cho vay lãi nặng, sau khi hành vi của bị cáo bị phát hiện, bị cáo không chấp hành quy định pháp luật mà lại bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra và đã bị bắt theo lệnh truy nã. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với bị cáo nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và cũng là phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, bản thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Dù vậy, Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt bằng thời gian tạm giam, trả tự do bị cáo tại phiên tòa là chưa đủ răn đe đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị của Viện kiểm sát đúng với quy định của pháp luật và phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021, có căn cứ chấp nhận các nội dung sau:

Đối với số tiền vốn người vay chưa trả đủ cho bị cáo đây là tiền của bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Buộc người vay có nghĩa vụ nộp lại số tiền này.

Đối với số tiền vốn bị cáo đã dùng để cho vay, hiện nay người vay đã trả cho bị cáo 722.075.006đ và số tiền lãi bị cáo đã thu được theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.555.069đ, tổng cộng 736.630.075đ

cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi cao hơn quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay, đây là tiền của người vay, bị cáo phải có nghĩa vụ phải trả lại.

Đối với 42 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chỉ có bà Châu Lê D, bà Nguyễn Hồng Ng và ông Nguyễn Hoàng T, có mặt còn lại 39 người vắng mặt không rõ lý do. Hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ số tiền vay, số tiền trả lãi cho bị cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[5] Về vật chứng của vụ án gồm:

- 1.200 tờ rơi quảng cáo về hoạt động cho vay tiền. Hiện không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh là tài sản riêng của Nguyễn Anh T, không có căn cứ thể hiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên trả lại cho T;

- 01 điện thoại hiệu Iphone X màu vàng gold; 02 điện thoại Nokia phím bấm; 01 màn hình máy tính ^OC, 01 CPU hiệu DE+LUXE, 01 bàn phím máy tính và 01 xe mô tô biển số kiểm soát 68B1-231.25 là phương tiện bị cáo dùng trực tiếp vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mãi sung quỹ nhà nước.

+ Đối với các xe mô tô biển số kiểm soát 69B1-290.43; 59M2-043.57; 68P1-286.26, quá trình điều tra, chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu các xe này, nên Cơ quan điều tra đã tách ra để xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

[6] Quá trình điều tra thể hiện số lượng người vay tiền của bị cáo nhiều hơn 41 người, hiện chỉ đủ căn cứ chứng minh 41 trực tiếp thực hiện giao dịch vay tiền với bị cáo, xác định được số tiền vốn vay, lãi phát sinh, số tiền thu lợi bất chính là 129.939.925đ. Số người vay tiền còn lại đã bỏ địa phương đi, không làm việc được, chưa xác định được số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu nên tiếp tục giao Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Đối với khoản tiền bị cáo cho bà Ng vay. Qua lời khai của bà Ng, của bị cáo và chứng cứ thu giữ chỉ thể hiện khoản vay 20.000.000đ ngày 18/02/2020 bà Ng đã trả được 01 ngày với số tiền vốn 333.333đ còn nợ tiền vốn là 19.666.667đ. Việc bà Ng cho rằng sau khi vay đã trả được 23 ngày nhưng bà không có chứng cứ thể hiện, bị cáo không thừa nhận có thu tiền vay của bà Ng từ ngày 19/02/2020. Trong khi đó, bà Ng thừa nhận chỉ trả nợ 01 ngày cho bị cáo, còn 22 ngày sau bà trả cho người tên H không phải trả cho bị cáo. Hiện nay, chưa xác định được tên, họ, địa chỉ của H chưa làm việc được. Đối với số tiền bà Ng khai đã trả cho H, nếu có sẽ được xem xét xử lý khi xác minh có căn cứ xử lý người tên H. Giao cơ quan điều tra tiếp tục xác minh có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Đối với khoản phí mà bà Ng, bà D và ông T khai bị cáo có thu mỗi khi cho vay tương ứng với 10% số tiền vay, việc thu tiền phí chỉ có người vay và bị cáo biết. Bị cáo không thừa nhận có thu phí, tài liệu chứng cứ thu được không thể hiện khoản phí này nên không có căn cứ xem xét, xử lý đối với khoản phí mà người vay đã khai.

Đối với người tên H đến nay chưa xác định được tên họ địa chỉ cụ thể. Người tên Nguyễn Lê Phương D, chưa xác minh được nơi sinh sống. Giao cơ quan điều tra tiếp tục xác minh có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các Điều 106, 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Huy H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị Lê Huy H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 05/5/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Huy H phải trả lại cho những người vay số tiền lãi thu vượt. Cụ thể, trả lại cho:

Bà Trần Hồng Th, số tiền 2.802.740đ; bà Nguyễn Hồng Ng, số tiền 6.740.640đ; bà Châu Lê D, số tiền 17.489.726đ; bà Lê Thị Tuyết H, số tiền 3.518.256đ; bà Lê Thị H, số tiền 6.434.520đ; ông Võ Thanh T, số tiền 10.351.028đ; ông Trương Thanh Nh, số tiền 2.582.877đ; bà Phạm Thị M Th, số tiền 5.749.726đ; ông Trần Tuấn K, số tiền 4.405.480đ; ông Trần Đoàn Tr, số tiền 150.230đ; bà Trần Thị Tuyết Ng, số tiền 560.548đ; bà Trần Thị Tuyết M, số tiền 2.671.233đ; ông Huỳnh Công Ng, số tiền 3.561.644đ; bà Trần Thị D, số tiền 4.956.164đ; ông Nguyễn Thành Ph, số tiền 1.081.644đ; ông Nguyễn Chí S, số tiền 1.238.904đ; ông Lê Quốc Kh, số tiền 890.411đ; bà Võ Thị U, số tiền 1.652.055đ; ông Sơn Sầu R, số tiền 1.609.499đ; bà Lê Thị Xuân Th, số tiền 12.267.398đ; bà Lê Thị B, số tiền 3.027.397đ; bà Huỳnh Thanh Y, số tiền 1.081.644đ; ông Phan Thái H, số tiền 747.398đ; bà Trịnh Bích Ph, số tiền 917.808đ; bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972, số tiền 4.468.493đ; ông Nguyễn Hoàng T, số tiền 1.101.370đ; bà Nguyễn Thị Ngọc V, số tiền 4.291.507đ; bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1958, số tiền 1.101.370đ; bà Nguyễn Chúc L, số tiền 1.121.096đ; bà Nguyễn Thị D, số tiền 1.468.493đ; bà Lê Ngọc E, số tiền 2.579.726đ; ông Phan Văn B, số tiền 560.548đ; bà Nguyễn Thị V, số tiền 917.808đ; bà Phạm Văn T, số tiền 373.699đ; bà Nguyễn Thị X, số tiền 1.868.495đ; bà Hồ Thị T, số tiền 2.963.289đ; ông Dương Văn Ng, số tiền 747.398đ; bà Trần Hồng C, số tiền 550.685đ; ông Phạm Quốc H, số tiền 7.123.288đ; ông Huỳnh Văn Nh, số tiền 378.082đ; bà Đỗ Thị Th, số tiền 1.835.616đ.

+ Buộc bị cáo phải nộp số tiền 736.630.075đ (*Bảy trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng*) để thu nộp Ng sách Nhà nước.

+ Buộc bà Nguyễn Hồng Ng nộp 19.666.667đ (*Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*); bà Châu Lê D phải nộp 21.250.000đ (*Hai mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*); bà Lê Thị

Tuyết H phải nộp 833.325đ (*Tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng*); ông Võ Thanh T phải nộp 1.875.000đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*); ông Trương Thanh Nh phải nộp 1.650.000đ (*Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*); bà Phạm Thị Mộng Th phải nộp 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*); ông Trần Đoàn Tr phải nộp 5.166.668đ (*Năm triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng*); ông Sơn Sầu R phải nộp 333.334đ (*Ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng*); ông Huỳnh Văn Nh phải nộp 400.000đ (*Bốn trăm ngàn đồng*) và bà Đỗ Thị Th phải nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), để thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 1.200 tờ rơi quảng cáo về hoạt động cho vay lãi nặng.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Iphone X màu vàng gold; 02 điện thoại Nokia phím bấm; 01 xe mô tô biển số kiểm soát 68B1-231.25; 01 màn hình máy tính; 01 bàn phím máy tính; 01 CPU.

Trả lại cho Nguyễn Anh T: 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh.

- Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*), bị cáo phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Đường sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.Cà Mau;
- Cơ quan THA hình sự Tp.Cà Mau;
- Cơ quan thi hành án dân sự Tp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phan Thị Thu